

KHUNG THAM CHIẾU CHUNG CHÂU ÂU VỀ NGÔN NGỮ VÀ VIỆC VẬN DỤNG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH PHỔ THÔNG¹

ThS. ĐÀO NGỌC LỘC

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Mở đầu

Vấn đề xác định khung năng lực ngoại ngữ trong việc dạy và học ngoại ngữ đã được nghiên cứu một cách hệ thống ở nhiều nước trên thế giới. Các nghiên cứu đã mô tả cách tiếp cận khác nhau khi phân chia trình độ ngoại ngữ cần đạt của người học trong quá trình dạy học. Một trong những tài liệu được nghiên cứu một cách khoa học và có thể xem xét để áp dụng vào thực tiễn dạy học ngoại ngữ ở Việt Nam là Khung Tham chiếu Chung Châu Âu về Ngôn ngữ, viết tắt là CEFR². Tài liệu này nhằm cung cấp cơ sở chung cho việc xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu giảng dạy, sách giáo khoa, đánh giá kết quả học tập của người học...

2. Khung Tham chiếu Chung Châu Âu về Ngôn ngữ

2.1. Vai trò và ý nghĩa của CEFR

CEFR là kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ do Hội đồng Châu Âu về Ngôn ngữ khởi xướng từ những năm 1970 của thế kỉ XX và được công bố sau khi hoàn chỉnh vào năm 2001. CEFR có ảnh hưởng lớn đến việc dạy ngôn ngữ ở nhiều nước trên thế giới. Bộ giáo dục, cơ quan quản lí giáo dục địa phương, các cơ sở giáo dục, hiệp hội nhà giáo và nhà xuất bản ở nhiều nước đã và đang sử dụng CEFR, và Khung tham chiếu này sẽ còn tiếp tục thể hiện được sự ảnh hưởng tích cực đến việc dạy học ngôn ngữ trong nhiều năm tới. Điểm nổi bật của CEFR là đã thể hiện được những thay đổi căn bản từ Phương pháp Ngữ pháp-Dịch (Grammar-Translation Method) sang Tiếp cận Chức năng- Khái niệm (Functional - Notional Approach) và Tiếp cận Giao tiếp (Communicative Approach) trong dạy học ngoại ngữ. CEFR nhằm cung cấp cơ sở chung cho việc xây dựng và phát triển chương trình (chương trình khung và chương trình chi tiết); kiểm tra đánh giá và thi cử; biên soạn sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên... thuộc lĩnh vực ngôn ngữ trong phạm vi Châu Âu và được áp dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới. Trong những năm gần đây, khung CEFR cũng đã được một số quốc gia Châu Á, kể cả Trung Quốc và Nhật Bản tiếp thu để phát triển

khung năng lực ngoại ngữ cho quốc gia mình. Khung CEFR mô tả tổng hợp các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng ngôn ngữ mà người học cần đạt ở các cấp độ thành thạo khác nhau trong các giai đoạn học tập và bối cảnh sử dụng ngôn ngữ khác nhau.

Tóm lại, trong lĩnh vực giáo dục, CEFR cần cho việc hoạch định chương trình các cấp học (từ phổ thông đến đại học); lập kế hoạch, nội dung kiểm tra đánh giá và thi cử; và nêu phương án điều chỉnh chiến lược học tập.

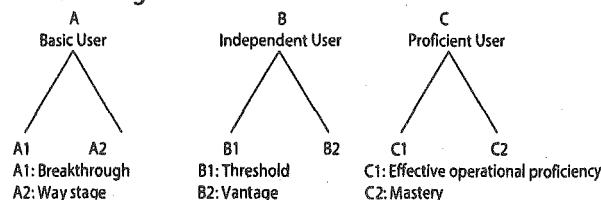
2.2 Các trình độ tham chiếu chung của CEFR (Common reference levels)

CEFR mô tả các mức độ thành thạo ngôn ngữ cần cho các chuẩn/tiêu chí dạy học, kiểm tra và thi cử.

Các cấp độ tham chiếu chung: Khung tham chiếu chung gồm 6 trình độ được chi tiết hóa từ 3 cấp độ lớn:

- 1) Cấp độ A Basic User (Người sử dụng ngôn ngữ cơ bản)
- 2) Cấp độ B Independent User (Người sử dụng ngôn ngữ độc lập)
- 3) Cấp độ C Proficient User (Người sử dụng ngôn ngữ thành thạo)

Mỗi cấp độ lớn lại được phân chia thành 2 trình độ cơ bản. Như vậy, từ 3 cấp độ lớn ta có 6 trình độ tham chiếu chung sau:



Trong 6 trình độ nêu trên, A1 là trình độ thấp nhất áp dụng cho người bắt đầu học ngôn ngữ (áp dụng cho HS bậc tiểu học) và C2 là trình độ cao nhất áp dụng cho người nắm chắc/sử dụng thành thạo ngôn ngữ (tương đương với năng lực ngôn ngữ của người nói tiếng Anh bản ngữ)

Để tiện lợi cho việc tham chiếu, 6 trình độ được sắp xếp thành một thang đo tổng quát theo thứ tự từ cao xuống thấp, từ trình độ C2 đến trình độ A1. Mỗi trình độ mô tả ngắn gọn những điểm tham chiếu liên quan đến khả năng sử dụng ngôn ngữ của người học. Những điểm tham chiếu này được viết bằng ngôn ngữ thông thường, dễ hiểu (có thể được diễn đạt bằng ngôn ngữ

¹ Bài viết đã được đăng trong kỉ yếu và báo cáo tại Hội thảo quốc gia: "Giảng dạy nhiều ngoại ngữ trong nhà trường: Lợi ích và thách thức" - tháng 12 năm 2013, Đại học Đà Nẵng

² CEFR: Common European Framework of Reference for Languages

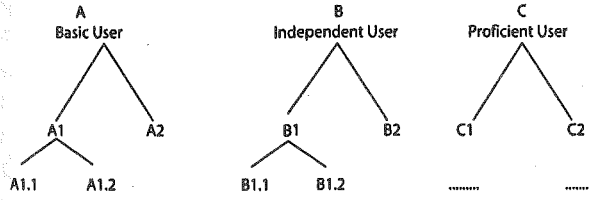
của mỗi quốc gia). Thang đo tổng quát nhằm đưa ra những định hướng tổng quát cho việc xây dựng mục tiêu học tập và giảng dạy cho người học và người dạy. Tính tổng quát của 6 trình độ cho phép CEFR trở thành khung tham chiếu để thực hiện quy đổi tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ hiện có. Xem *Bảng trình độ tham chiếu chung: Thang đo tổng quát (Common Reference Levels: global scale)* trang 24, Tài liệu "Khung Tham chiếu Chung Châu Âu về Ngôn ngữ" (2001)

Thang đo 6 trình độ chỉ mang tính tổng quát, mô tả một cách khái quát về năng lực ngoại ngữ cần đạt của người học theo sự tóm tắt như sau:

- Cấp độ A (sử dụng ngôn ngữ căn bản ở 2 trình độ A1 và A2): chỉ trình độ giao tiếp ngôn ngữ đơn giản và cơ bản.
- Cấp độ B (sử dụng ngôn ngữ độc lập) gồm 2 trình độ: B1 chỉ trình độ giao tiếp trong một số tình huống hạn chế; B2 chỉ trình độ giao tiếp trong một số tình huống quen thuộc.
- Cấp độ C (sử dụng ngôn ngữ thành thạo) gồm 2 trình độ: C1 chỉ trình độ giao tiếp chủ động và thành thạo trong nhiều tình huống đa dạng; C2 chỉ trình độ giao tiếp chủ động và thành thạo trong hầu hết mọi tình huống.

2.3. Sự linh hoạt chia nhánh nhỏ các cấp độ tham chiếu của Khung CEFR

Từ mỗi cấp độ trong thang đo 6 cấp độ cơ bản có thể chia thành các cấp độ nhỏ:



Trên thực tế, khi thiết kế chương trình cần phải phân chia các cấp độ tham chiếu thành các nhánh trình độ nhỏ để phù hợp mục tiêu của từng năm học và cấp học.

3. Vận dụng Khung CEFR vào việc xây dựng chương trình tiếng Anh phổ thông

Thực hiện Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020³, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam được giao nhiệm vụ xây dựng Chương trình tiếng Anh phổ thông áp dụng cho giai đoạn sau 2015. Về cơ bản, ba chương trình tiếng Anh thí điểm Tiểu học, THCS và THPT đã được hoàn thành và đang được dạy thí điểm. Điểm mới của Chương trình tiếng Anh là việc xây dựng chương trình đã hướng vào sự hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của HS theo Khung Năng lực Ngoại ngữ 6

bậc dùng cho Việt Nam – viết tắt là KNLNNVN, trên cơ sở Khung Tham chiếu Chung Châu Âu về Ngoại ngữ. Chuẩn đầu ra của Chương trình tiếng Anh phổ thông Việt Nam được xác định tương đương với chuẩn đầu ra quốc tế, đặc biệt là chuẩn đầu ra về các bậc năng lực giao tiếp của Khung CEFR.

3.1. Các giai đoạn học tập cơ bản và các trình độ tham chiếu theo Khung CEFR của Chương trình Tiếng Anh phổ thông

Theo thiết kế của chương trình, trình độ HS cần đạt được về năng lực giao tiếp Tiếng Anh dựa theo 6 mức độ tham chiếu của Khung CEFR khi kết thúc từng giai đoạn học tập cơ bản hay cấp học như sau:

Giai đoạn cơ bản (Key Stage)	Trình độ HS cần đạt (Level)
Giai đoạn 1: Tiểu học (lớp3 - 5)	Bậc 1 (KNLNNVN) tương đương A1 (CEFR)
Giai đoạn 2: THCS (lớp 6 - 9)	Bậc 2 (KNLNNVN) tương đương A2 (CEFR)
Giai đoạn 3: THPT (lớp 10 - 12)	Bậc 3 (KNLNNVN) tương đương B1 (CEFR)

3.2. Mô tả tổng quát năng lực giao tiếp của mỗi bậc trình độ theo từng cấp học

- **Tiểu học:** Về tổng thể, sau khi học xong Chương trình tiếng Anh tiểu học, HS có thể đạt được trình độ tiếng Anh **Bậc 1** của KNLNNVN, tương đương trình độ **A1** của CEFR. Cụ thể là: *Có thể hiểu và sử dụng các kiểu diễn đạt quen thuộc hằng ngày, các cụm từ đơn giản nhằm thỏa mãn nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác, có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về thông tin như nơi ở, những người mà mình biết và những thứ mình có. Có thể giao tiếp một cách đơn giản với điều kiện người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng trợ giúp.*

- **THCS:** Về tổng thể, sau khi học xong Chương trình tiếng Anh THCS, HS có thể đạt được trình độ tiếng Anh **Bậc 2** của KNLNNVN, tương đương trình độ **A2** của CEFR. Cụ thể là: *Có khả năng hiểu các câu nói và các cách diễn đạt được sử dụng thường xuyên liên quan đến những lĩnh vực gần gũi nhất trong đời sống thường nhật (ví dụ như các thông tin rất cơ bản về cá nhân, gia đình, mua bán, cộng đồng địa phương và công việc). Có thể giao tiếp trong các tình huống cơ bản và đơn giản đòi hỏi các trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về các vấn đề gần gũi và quen thuộc. Có thể sử dụng các cách nói đơn giản để nói về bản thân, môi trường gần gũi và những vấn đề liên quan đến nhu cầu trực tiếp.*

- **THPT:** Về tổng thể, sau khi học xong Chương trình tiếng Anh THPT, HS có thể đạt được trình độ tiếng Anh **Bậc 3** của KNLNNVN, tương đương trình độ **B1** của CEFR. Cụ thể là: *Có thể hiểu và sử dụng các kiểu diễn đạt quen thuộc hằng ngày, các cụm từ đơn giản nhằm thỏa mãn nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác, có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về thông tin như nơi ở, những người mà mình biết và những thứ mình có. Có thể giao tiếp một cách đơn giản với điều kiện người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng trợ giúp.*

³Đề án "Dạy và học Ngoại ngữ trong Hệ thống Giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020"

Anh **Bậc 3** của KNLNNVN, tương đương trình độ **B1** của CEFR. Cụ thể là: *Có thể hiểu những ý chính của một thông tin đầu vào chuẩn mực và rõ ràng về những vấn đề quen thuộc trong công việc, nhà trường, giải trí... Có thể xử lý hầu hết những tình huống phát sinh khi đến một nơi sử dụng ngôn ngữ này. Có thể xây dựng một đoạn văn liên mạch về những chủ đề quen thuộc hoặc quan tâm cá nhân. Có thể mô tả kinh nghiệm và sự kiện, ước mơ, hi vọng và mong muốn, đồng thời đưa ra lí do ngắn gọn và giải thích về những quan điểm và dự định của bản thân.*

3.3. Sự phân nhánh các bậc trình độ ở mỗi cấp học

- **Tiểu học:** Trên cơ sở Bậc 1, trình độ tiếng Anh của HS tiểu học được chi tiết hóa thành 3 bậc tương ứng với từng lớp, cụ thể là:

Lớp 3 - Bậc 1.1 (KNLNNVN) tương đương A1.1 (CEFR)

Lớp 4 - Bậc 1.2 (KNLNNVN) tương đương A1.2 (CEFR)

Lớp 5 - Bậc 1.3 (KNLNNVN) tương đương A1.3 (CEFR)

- **THCS:** Trên cơ sở Bậc 2, trình độ tiếng Anh của HS THCS được chi tiết hóa thành 4 bậc tương ứng với từng lớp, cụ thể là:

Lớp 6 - Bậc 2.1 (KNLNNVN) tương đương A2.1 (CEFR)

Lớp 7 - Bậc 2.2 (KNLNNVN) tương đương A2.2 (CEFR)

Lớp 8 - Bậc 2.3 (KNLNNVN) tương đương A2.3 (CEFR)

Lớp 9 - Bậc 2.4 (KNLNNVN) tương đương A2.4 (CEFR)

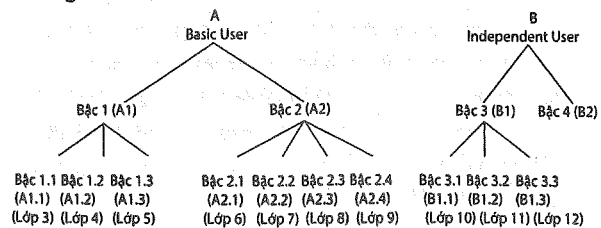
- **THPT:** Trên cơ sở Bậc 3, trình độ tiếng Anh của HS THPT được chi tiết hóa thành 3 bậc tương ứng với từng lớp, cụ thể là:

Lớp 10 - Bậc 3.1 (KNLNNVN) tương đương B1.1 (CEFR)

Lớp 11 - Bậc 3.2 (KNLNNVN) tương đương B1.2 (CEFR)

Lớp 12 - Bậc 3.3 (KNLNNVN) tương đương B1.3 (CEFR)

Tổng hợp sự phân chia các trình độ theo từng lớp ở 3 cấp học của Chương trình tiếng Anh phổ thông dựa trên Khung CEFR như sau:



3.4. Mô tả chi tiết kĩ năng của mỗi nhánh/bậc

trình độ theo từng lớp/cấp học

Đây là mục tiêu thể hiện (Performance objectives) được mô tả chi tiết đối với từng lớp/cấp học thông qua bốn kĩ năng giao tiếp: **nghe, nói, đọc, viết**. Chuẩn đầu ra của chương trình cho mỗi cấp học gồm 2 thành phần:

- 1) Mô tả tổng quát (xem mục 3.2: phần chữ in nghiêng)
- 2) Mô tả chi tiết kĩ năng

Mô tả chi tiết kĩ năng chính là phần mục tiêu thể hiện của lớp cuối cấp học. Ví dụ, chuẩn đầu ra của giai đoạn 1 (cấp tiểu học) gồm: mô tả tổng quát của trình độ Bậc 1 và mô tả kĩ năng Lớp 5, tức là mục tiêu thể hiện Lớp 5 – Bậc 1.3.

Dưới đây là sự mô tả kĩ năng: yêu cầu cần đạt về 4 kĩ năng ngôn ngữ của trình độ chuẩn Bậc 1, tức là trình độ chuẩn Bậc 1.3 - Lớp 5:

Lớp 5 - Bậc 1.3 (Trình độ chuẩn Bậc 1)

Hết Lớp 5, HS có khả năng:

Nghe	<ul style="list-style-type: none"> • Nghe hiểu và làm theo những chỉ dẫn trong lớp học. • Nghe và trả lời được các câu hỏi đơn giản về các chủ đề quen thuộc. • Nghe hiểu được các bài nghe ngắn và đơn giản về các chủ đề quen thuộc • Nghe hiểu được các câu chuyện rất đơn giản về các chủ đề quen thuộc (có sự trợ giúp)
Nói	<ul style="list-style-type: none"> • Nói được các câu đơn giản. • Nói được các câu chỉ dẫn và đề nghị thích hợp để người khác đáp lại. • Hỏi và trả lời được các câu hỏi về các chủ đề quen thuộc với nội dung phức tạp hơn. • Kể các câu chuyện ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc (có sự trợ giúp).
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc được các câu đơn giản với sự phát âm tương đối chuẩn xác, đúng ngữ điệu cơ bản. • Đọc hiểu bài đọc ngắn về các chủ đề quen thuộc với nội dung phức tạp hơn.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> • Viết được các câu đơn giản. • Điền thông tin vào các mẫu đơn giản (bưu thiếp...) • Viết được một đoạn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc (có gợi ý).

Tương tự, trình độ chuẩn Bậc 2 là mô tả tổng quát Bậc 2 và mục tiêu thể hiện Lớp 9 – Bậc 2.4; Trình độ chuẩn Bậc 3 là mô tả tổng quát Bậc 3 và mục tiêu thể hiện Lớp 12 – Bậc 3.3

Lưu ý: Mục tiêu thể hiện nêu trên cần được mô tả chi tiết về 4 kĩ năng (nghe, nói, đọc, viết) để làm căn cứ cho việc dạy học, kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học. Để mô tả đầy đủ và đảm bảo tính chính xác và có thể đo được, các nhà thiết kế chương trình, giáo viên ra đề thi, kiểm tra... cần tham chiếu Bảng Tự đánh giá (Self-assessment grid)⁴ và các Tuyên bố "Can Do" ("Can

(Xem tiếp trang 14)